

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-06-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Ngô Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2021 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Neàng Si N, sinh năm 1992. Địa chỉ nơi cư trú: tổ 13, ấp M, xã V, huyện T tỉnh An Giang, vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Chau Sóc K, sinh năm 1994. Địa chỉ nơi cư trú: tổ 13, ấp M, xã V, huyện T tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Neàng Si N trình bày:*

+ Về hôn nhân: chị và anh Chau Sóc K được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục tập quán của người Khơme và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã V, huyện Tịnh Biên vào ngày 25 tháng 06 năm 2015. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại xã V, huyện T tỉnh An Giang.

Cuộc sống vợ lúc đầu hạnh phúc, sinh được một đứa con chung. Thời gian về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên cự cãi, khi được cha mẹ chị khuyên bảo thì anh K còn cãi lại với mẹ, luôn có tính cộc cằn, ngang bướng không biết lớn nhỏ. Chị Si N đã nhiều lần khuyên nhưng anh K không chịu nghe, nhiều lần hai người ngồi lại tự hòa giải nhưng không được, đến năm 2017, anh K đã bỏ nhà đi, dù chị có khuyên nhưng không được, thỉnh thoảng anh K có về thăm con rồi tiếp tục đi.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị Si N xin ly hôn với anh Chau Sóc K.

+ Về con chung: chị Si N và anh K có một đứa con chung tên Chau Rót Ta Na, sinh ngày 18/12/2015, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Quá trình tố tụng, bị đơn anh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị Si N có mặt, bị đơn anh K vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 31/05/2022, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn chị Si N có mặt, bị đơn anh K vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Si N vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt), bị đơn anh K tiếp tục vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn thì chưa thực hiện về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị Si N và anh K là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, chị Si N và anh K sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh K không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình thể hiện qua việc anh K không tham gia các phiên hòa giải, thể hiện qua việc anh K không quan tâm đến việc chị Si N xin ly hôn. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Si N xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: chị Si N và anh K có một đứa con chung tên Chau Rót Ta Na, sinh ngày 18/12/2015, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh K thì không có ý kiến. Do còn nhỏ, đang sống với chị N, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Si N không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung: chị Si N không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện T tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Si N (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn anh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Si N và anh K được xác lập năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo lời trình bày của nguyên đơn và xác minh tại địa phương thì hôn nhân của chị Si N và anh K có phát sinh mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn qua lại với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng chị Si N và anh K đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay, do bất đồng trong quan điểm sống. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị Si N và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Si N khởi kiện xin ly hôn với anh K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: chị N và anh K có một đứa con chung tên Chau Rót Ta Na, sinh ngày 18/12/2015, hiện đang sống với chị Si N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy, từ năm 2017, chị Si N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; để ổn định môi trường sống, học tập, vui chơi, giải trí của cháu Na, do đó Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Si N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên kia (người không trực tiếp nuôi) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị Si N không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn anh Chau Sóc K không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên không xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn chị Nèang Si N là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và Gia đình.

- Anh Chau Sóc K không phải bào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nèang Si N.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nèang Si N được ly hôn với anh Chau Sóc K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 25 tháng 06 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Văn Giáo, huyện T tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: giao con chung tên Chau Rót Ta Na, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Nèang Si N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Chau Sóc K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nèang Si N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: chị Nèang Si N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006367 ngày 06 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

Châu Nam Phú